

Bản án số: **49/2017/HNGĐ - ST**
Ngày 31/8/2017
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Bảo Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhó

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Anh - Là Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Bách - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/8/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 175/2017/TLST - HNGĐ ngày 12/4/2017 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 25/7/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 175/2017/QĐST - HNGĐ ngày 14/8/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị M - sinh năm: 1969;

Địa chỉ: K288/8 đường H, phường H, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Hiện trú tại: Số 28 đường Lê Ngô C, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn T - sinh năm: 1963;

Địa chỉ: K131/33 đường L, tổ 37, phường T, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

(Bà M có mặt, ông T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 07/4/2017, nguyên đơn bà Phạm Thị M trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn T kết hôn với bà Phạm Thị M vào năm 1990 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Đà Nẵng. Sau khi

kết hôn vợ chồng về ở tại K131/33 đường L, tổ 37, phường T. Ông bà chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà M xác định do ông T thường xuyên rượu chè, cá độ banh, về nhà đập phá đồ đạc, gây gổ với vợ con, vợ chồng không còn ở chung với nhau từ đó đến nay. Nay bà M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn T.

- Về con chung: Bà M xác định ông bà có 02 con chung là: Nguyễn Thị Thu T - sinh năm 1990 và Nguyễn Thành Đ - sinh năm 1996, các con đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định không có.

** Ông Nguyễn T không có lời khai trong hồ sơ vụ án.*

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn T lần thứ 2, nhưng tại phiên tòa hôm nay ông T vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn T và bà Phạm Thị M kết hôn với nhau vào năm 1990 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông bà chỉ chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn bà M xác định do tính tính và quan điểm sống của ông bà không hợp nhau, có nhiều bất đồng trong cuộc sống. Ông T thường xuyên rượu chè, cá độ banh, về nhà đập phá đồ đạc, gây gổ với vợ con, từ năm 2014 cho đến nay ông bà đã sống ly thân. Tại phiên tòa bà M xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn và xin ly hôn với ông Nguyễn T.

HĐXX xét yêu cầu của đương sự thì thấy: Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Nguyễn T vẫn không tham gia, không thể hiện mong muốn đoàn tụ. Qua xác minh tại địa phương thể hiện mâu thuẫn vợ chồng như bà M trình bày là có thật, ông T không chịu làm ăn, thường xuyên say xỉn về đuổi đánh bà M, bà M đã thuê nhà ở riêng khoảng 03 năm nay. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ông bà không còn chăm sóc, quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần vận dụng Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông T là thỏa đáng.

[3] Về con chung: Bà M xác định ông bà có 02 con chung là: Nguyễn Thị Thu T - sinh năm 1990 và Nguyễn Thành Đ - sinh năm 1996, các con đã thành niên nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[5] Án phí HNGĐ - ST: Bà M phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" của bà Phạm Thị M với ông Nguyễn T.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho bà Phạm Thị M ly hôn với ông Nguyễn T.

2. *Về quan hệ con chung:* Các con chung đã thành niên nên HĐXX không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà M xác định không có nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ bà Phạm Thị M phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ bà M đã nộp theo biên lai thu số 3259 ngày 12/4/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình.

Án xử sơ thẩm, bà Phạm Thị M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng ông Nguyễn T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường T,
quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Bảo Huyền Trân

